

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

Tên dự toán: Mua sắm, sản xuất vật tư kỹ thuật năm 2026

Tên gói thầu: Gói thầu MS-05/2026

Tóm tắt công việc chính của gói thầu: Mua 56 loại vật tư xe RAM MK3

Giá gói thầu: 7.797.036.600 VND (Giá gói thầu đã bao gồm giá trị hàng hoá, chi phí thực hiện hợp đồng, các loại thuế, phí theo quy định)

Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, Một giai đoạn một túi hồ sơ

Loại hợp đồng: Trọn gói

Chủ đầu tư: Cục Hậu cần - Kỹ thuật/Binh chủng Đặc công

Thời gian thực hiện gói thầu: 45 ngày

Địa chỉ giao nhận hàng hóa tại kho bên mua (Kho T342/CHCKT/BCĐC; xã Lương Sơn, tỉnh Phú Thọ) bàn giao đảm bảo nguyên đai, nguyên kiện tình trạng mới 100%.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu kỹ thuật chung

- Hàng hoá cung cấp đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng, phụ tùng sản xuất không trước năm 2024; có nguồn gốc, xuất xứ, nhãn hiệu rõ ràng, hợp pháp.

- Nhà thầu lập bảng so sánh thông số kỹ thuật giữa hàng hóa mà nhà thầu chào và yêu cầu thông số kỹ thuật của hàng hóa.

- Nhà thầu chào hàng catalogue hoặc bảng kê thông số kỹ thuật của từng danh mục hàng hóa do nhà sản xuất phát hành hoặc Bảng kê danh mục phụ tùng với đầy đủ ký mã hiệu hoặc thông số kỹ thuật được xác nhận của nhà sản xuất/đại lý của nhà sản xuất (*nếu là xác nhận của đại lý, cần đính kèm hợp đồng đại lý với nhà loại xe sản xuất hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương*); hoặc cung cấp địa chỉ truy cập của từng danh mục phụ tùng trên trang web của nhà sản xuất của để minh chứng cho các thông số kỹ thuật hoặc ký mã hiệu của từng danh mục phụ tùng mà nhà thầu chào. Trường hợp không có tài liệu chứng minh đầy đủ các thông số kỹ thuật hoặc ký mã hiệu của hàng hóa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo các bảng yêu cầu kỹ thuật chi tiết (mục 1.2.3 dưới đây), sẽ coi như hàng hóa không có cơ sở để đánh giá các thông số kỹ thuật và đánh giá không đạt. (*Nếu tài liệu là tiếng nước ngoài, phải dịch ra tiếng Việt*).

1.2.2. Chú ý Chỉ dẫn về chào giá:

Các chi phí cho những dịch vụ liên quan thực hiện trong nước để thực hiện hợp đồng (như chi phí tiếp nhận; bảo hiểm, vận chuyển nội địa, thanh toán, lợi

nhuận,...) đã bao gồm đầy đủ các loại thuế theo quy định.

1.2.3. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết của các danh mục hàng hóa

a) Đối với các danh mục phụ tùng xe ô tô

Ký mã hiệu (kiểu) tại yêu cầu kỹ thuật theo bản dưới đây là cơ sở để nhà thầu tham khảo, tra cứu chào hàng; nhà thầu có thể chào hàng những danh mục hàng hóa có ký mã hiệu khác nhưng tính năng và thông số kỹ thuật tương đương để đảm bảo tính lắp lẫn đối với từng danh mục hàng hóa.

TT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
I	Phụ tùng dùng cho Động cơ DEUTZ F6L912	
1	Lọc nhớt tinh	Kiểu PF815 hoặc tương đương dùng cho động cơ DEUTZ F6L912
2	Bộ lọc nhiên liệu	Kiểu 54216 hoặc tương đương dùng cho động cơ DEUTZ F6L912
3	Lọc gió	Kiểu 43798 hoặc tương đương dùng cho động cơ DEUTZ F6L912
4	Turbo tăng áp	Kiểu 04232254 hoặc tương đương dùng cho động cơ DEUTZ F6L912
5	Bơm cao áp	Kiểu 04231590 hoặc 0423 1590 hoặc tương đương dùng cho động cơ DEUTZ F6L912
6	Kim phun nhiên liệu	Kiểu 04235316 hoặc tương đương dùng cho động cơ DEUTZ F6L912
7	Cánh quạt làm mát	Kiểu 02235460 hoặc tương đương dùng cho động cơ DEUTZ F6L912
8	Đường ống khí nạp	Kiểu 200276 hoặc tương đương dùng cho động cơ DEUTZ F6L912
9	Bi tăng tổng	Kiểu 55248 hoặc tương đương dùng cho động cơ DEUTZ F6L912
10	Dây curoa	Kiểu 55249 hoặc tương đương dùng cho động cơ DEUTZ F6L912
11	Mặt máy	Kiểu 250406 hoặc tương đương dùng cho động cơ DEUTZ F6L912
12	Xupap đồng bộ	Kiểu 55056 hoặc tương đương dùng cho động cơ DEUTZ F6L912
13	Đệm mặt máy	Kiểu 54634 hoặc tương đương dùng cho động cơ DEUTZ F6L912
14	Nắp dàn cò	Kiểu 54458 hoặc tương đương dùng cho động cơ DEUTZ F6L912
15	Cụm ống xả	Kiểu 54585 hoặc tương đương dùng cho động cơ DEUTZ F6L912
16	Đệm ống xả	Kiểu 54164 hoặc tương đương dùng cho động cơ DEUTZ F6L912
II	Phụ tùng dùng cho xe RAM MK3	
1	Phốt láp	Kiểu 54048 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3

TT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
2	Phốt hộp số	Kiểu 54047 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3
3	Biến mô thủy lực	Kiểu 1117040 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3
4	Lá côn hộp số tự động	Kiểu 1109560-10 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3
5	Gioăng hộp số tự động	Kiểu 1109560-30 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3
6	Cơ cấu điều khiển hộp số	Kiểu 1017040-30 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3
7	Cơ cấu chuyển đổi số nhanh/chậm	Kiểu 1012040 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3
8	Cơ cấu gài cầu	Kiểu 1303026-10 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3
9	Bi moay ơ trước	Kiểu 1303010-20 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3
10	Bi may ơ sau	Kiểu 1307010 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3
11	Phốt cầu	Kiểu 1307075-01 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3
12	Cao su nhíp	Kiểu 1308020-10 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3
13	Giảm xóc trước	Kiểu 1303027-01 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3
14	Giảm xóc sau	Kiểu 1303010-01 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3
15	Má phanh trước	Kiểu 54012 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3
16	Má phanh sau	Kiểu 53995 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3
17	Má phanh tay	Kiểu 53996 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3
18	Tổng phanh	Kiểu 53731 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3
19	Bơm trợ lực lái	Kiểu 002000034 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3
20	Lốp xe Continental MTP80 12.5R20	Kiểu Continental MTP80 12.5R20
21	Khớp các đăng lái trên	Kiểu 000000206 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3
22	Gioăng cánh cửa	Kiểu 2304092 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3
23	Gioăng khung cánh cửa	Kiểu 2402015 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3
24	Đường ống điều hòa	Kiểu 5001076 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3
25	Lốc điều hòa	Kiểu 55370 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3

TT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
26	Giàn lạnh điều hòa	Kiểu 54929 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3
27	Giàn nóng điều hòa	Kiểu 54776 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3
28	Cảm biến áp suất dầu	Kiểu 3402010-75 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3
29	Bơm nước rửa kính	Kiểu 3514108 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3
30	Cảm biến gài cầu	Kiểu 3514108-10 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3
31	Khởi động	Kiểu 53730R hoặc tương đương dùng cho động cơ DEUTZ F6L912
32	Máy phát	Kiểu 54826 hoặc tương đương dùng cho động cơ DEUTZ F6L912
33	Van chia nhiên liệu	Kiểu 8002-3537110 hoặc tương đương dùng cho động cơ DEUTZ F6L912
34	Cảm biến nhiên liệu	Kiểu 9527-3515400 hoặc tương đương dùng cho động cơ DEUTZ F6L912
35	Chổi gạt mưa	Kiểu 3518010-20 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3
36	Màn hình đồng bộ camera quan sát	Kiểu 3515510 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3
37	Cơ cấu điều khiển camera quan sát	Kiểu 100-3570210 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3
38	Bơm thủy lực vận hành thang	Kiểu 54484 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3
39	Mô tơ tời	Kiểu 3509039 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3
40	Cuộn dây tời	Kiểu 3519201 hoặc tương đương dùng cho xe RAM MK3

** Ghi chú: Yêu cầu thông số kỹ thuật quy định trong mục này là tối thiểu, chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) trong tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật. Vì vậy, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “ưu việt hơn” so với các yêu cầu tối thiểu. Trong trường hợp đó, nhà thầu phải giải trình, chứng minh mặt hàng dự thầu có tính năng, thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn so với yêu cầu của E-HSMT.*

1.3. Các yêu cầu về tài chính, thương mại nhà thầu phải có cam kết đáp ứng

1.3.1. Cam kết đáp ứng yêu cầu về bảo hành

- Thời gian bảo hành: 12 tháng trở lên kể từ ngày hàng hóa nghiệm thu, nhập kho bên mua.

- Địa điểm bảo hành: trên toàn quốc.

1.3.2. Cam kết đáp ứng về thời gian và địa điểm giao hàng

- Giao hàng từng phần: cho phép.
- Thời hạn giao hàng muộn nhất: 40 ngày.
- Địa điểm giao hàng: Kho T342 (xã Lương Sơn, tỉnh Phú Thọ).

1.3.3. Cam kết đáp ứng yêu cầu về điều khoản phạt

- Phạt giao hàng chậm: Hàng hóa phải giao đúng thời hạn đã ghi trong hợp đồng, trường hợp Bên Bán giao hàng chậm so với thời gian quy định (trừ trường hợp bất khả kháng) thì Bên Bán sẽ bị phạt một khoản tiền tương đương 01% tổng giá trị hợp đồng cho mỗi tuần chậm, song tổng giá trị phạt không quá 05% tổng giá trị hợp đồng. Nếu quá 05 tuần Bên Bán mới giao đủ hàng thì Bên Mua có quyền từ chối không nhận lô hàng, đồng thời hủy bỏ hợp đồng, mọi chi phí liên quan đến lô hàng do Bên Bán chịu và không được nhận lại số tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng.

- Phạt do hủy bỏ hợp đồng: Nếu từ chối không thực hiện hợp đồng thì Bên Bán chịu phạt toàn bộ số tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

1.3.4. Cam kết cung cấp đầy đủ các Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hoá

Nhà thầu có bản Cam kết sau khi ký hợp đồng, khi có đủ các tài liệu sẽ cung cấp đầy đủ cho chủ đầu tư để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa, bao gồm các tài liệu như sau:

- Bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực giấy chứng nhận xuất xứ nguồn gốc (C/O) của hàng hóa do nhà loại xe sản xuất hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp;
- Bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực giấy chứng nhận chất lượng hàng hoá (C/Q) của hàng hóa do nhà loại xe sản xuất hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp;

1.3.5 Các yêu cầu khác: Không có

Mục 2. Bản vẽ: Không có

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Hồ sơ tài liệu khi bàn giao, nghiệm thu; CO, CQ và các tài liệu chứng minh hàng hóa được sản xuất chính hãng.

Công tác an toàn khi thực hiện vận hành thử nghiệm: Tuyệt đối tuân thủ theo quy định về an toàn theo quy trình được quy định. Trước khi thực hiện vận hành thử nghiệm, nhà thầu phải có trách nhiệm trình Chủ đầu tư (các bên liên quan (nếu có)) về quy trình an toàn khi vận hành và thử nghiệm và phải thực hiện kiểm tra nghiêm túc, được sự chấp thuận của Chủ đầu tư và các bên liên quan (nếu có) mới được thực hiện.

Nếu hàng hóa không đạt yêu cầu như trong E-HSMT đã yêu cầu thì bên chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng. Và bên nhà thầu phải có biện pháp thay thế hàng hóa khác có chất lượng tương đương hoặc cao hơn nhưng phù hợp và

phải được Chủ đầu tư chấp nhận. Nếu không đáp ứng được thì bên nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về những thiệt hại do bên mình gây ra.

Phần 3A. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại E-ĐKCT; 1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT; 1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện dịch vụ liên quan; 1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng; 1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu, là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có); 1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày; 1.8. “Hàng hóa” gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; phần mềm thương mại.; 1.9. “Dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu, bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ...; 1.10. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng; 1.11. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT.
-----------------------------	---